TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 02 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T2, sinh năm 1986, địa chỉ: Thô H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn Th, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc A qua T2 hiểu, tự nguyện yêu thương, lấy nhau, mặc dù chưa tổ chức cưới theo phong tục, nhưng đã làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trvào ngày 24/5/2021.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một tuần, thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm về mọi việc, nên anh chị đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không có T2 cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn

Về con chung: Chị T2 xác định vợ chồng không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị T2 xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ của ai, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2021, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T2 lấy nhau do hai bên tự nguyện, chưa tổ chức cưới, nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2021. Sau khi kết hôn anh và chị T2 có sống chung với nhau một thời gian ngắn, thì thấy không hợp nhau, nên đã không còn sống chung với nhau nữa, mà mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T2 yêu cầu ly hôn, thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 11/01/2022, đại diện Ủy ban nhân xã Trcho biết: anh Nguyễn Ngọc A và chị Lê Thị T2 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trvào ngày 24/5/2011. Chị T2 và anh Anh hiện tại không chung sống với nhau, anh Anh thường xuyên đi làm ăn xa, còn chị T2 sinh sống ở đâu địa phương không biết. Mâu thuẫn giữa anh chị địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T2 được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A. Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T2 khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A, cư trú tại: Thôn Thọ Tiến, xã Trường Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn là chị Lê Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T2 và anh Nguyễn Ngọc A tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Trcấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/5/2021, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T2 và anh Anh là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống với nhau được thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình; từ tháng 6/2021 anh chị đã sống ly thân, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Qúa trình giải quyết vụ án, chị T2 và anh Anh đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị T2 và anh Anh đã lâm vào T2 trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T2, xử cho chị Lê Thị T2 được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T2 và anh Nguyễn Ngọc A đều xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Lê Thị T2 và anh Nguyễn Ngọc A đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T2 được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A.

2. Về con chung: Chị Lê Thị T2 và anh Nguyễn Ngọc A không có con chung và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị T2 và anh Nguyễn Ngọc A không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T2 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T2 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014007 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Lê Thị T2 đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Xuân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến